MIRAE ASSET Securities

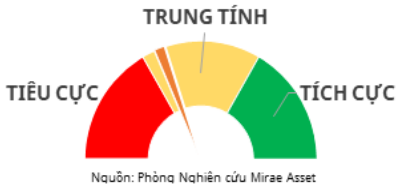
02 Tháng 11, 2026

Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



Nguồn: Phòng Nghiên cứu Mirae Asset

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN INDEX	1,710.72	-1.8	-1.6	4.3
HNX	250.55	-0.9	-6.1	-5.8
UPCOM	121.95	-1.4	-3.2	7.5
MSCI EM	1,566.63	-1.6	-8.3	11.8
NIKKEI	63,081.86	-0.3	-7.7	20.4
HANG SENG	23,393.32	0.4	-2.4	-9.7
KOSPI	5,859.08	2.2	-16.3	42.6
FTSE	10,732.03	0.0	2.6	10.4
S&P 500	7,580.07	-1.8	-1.8	10.8
NASDAQ	25,437.00	-2.9	-6.5	7.2

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Vietnam	12.8	1.9	16.1
Indonesia	4.9	0.0	0.1
Philippines	8.5	1.2	11.6
Malaysia	14.0	1.5	10.4
Thailand	14.4	1.4	9.3

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	15.5	1.5
Tái cấp vốn	4.5	0	0	0
TPCP 5 năm	4.3	0	-2	112
TPCP 10 năm	4.5	0	0	65

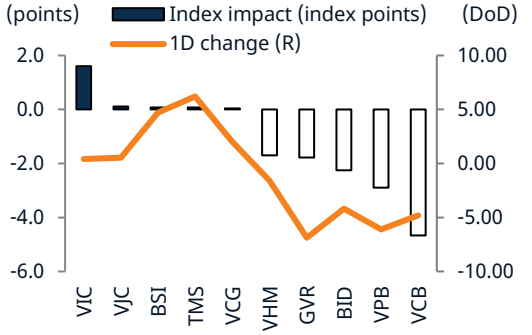
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US$/VND	25,785	-0.1	-0.8	-2.0
US$/KRW	1,341.5	0.6	0.1	-6.2
US$/JPY	157.88	0.2	0.0	2.4
US$/EUR	0.8913	-0.5	0.3	2.7
US$/GBP	0.7447	-0.3	-1.4	-2.1
US$/SGD	1.2784	0.0	0.0	-2.0

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 6 tháng
VN-INDEX	7,205	477	569
HNX	36	27	31
UPCOM	21	16	13

Các cổ phiếu tác động VN-Index



Nhận định thị trường

Chìm trong sắc đỏ

Tiếp nối đà giảm từ cuối tuần trước, VN-Index mở cửa trong trạng thái giằng co trước khi lực bán gia tăng, kéo chỉ số lùi dần trong phiên sáng. Sang phiên chiều, áp lực bán mạnh hơn khiến VN-Index có thời điểm xuyên thủng mốc 1.700 điểm. Dòng tiền bắt đáy xuất hiện sau đó giúp chỉ số hồi nhẹ về cuối phiên, song vẫn chưa đủ để thu hẹp đáng kể mức giảm. Kết phiên, VN-Index đóng cửa tại mức 1.710,72 điểm, giảm 30,9 điểm (-1,77%). Thanh khoản thị trường với khối lượng khớp lệnh đạt khoảng 725 triệu cổ phiếu, tương ứng giá trị giao dịch 15.840 tỷ đồng. Độ rộng thị trường trên sàn HOSE ghi nhận 46 mã tăng, 281 mã giảm và 47 mã đứng giá.

Sắc đỏ bao trùm ở hầu hết các nhóm ngành, trong đó áp lực lớn nhất đến từ nhóm ngân hàng (VCB, VPB, BID), riêng ba mã này đã lấy đi gần 10 điểm của chỉ số. Bên cạnh đó, nhóm nguyên vật liệu (GVR, HPG, MSR), công nghệ thông tin (FPT, CMG, ELC) và hàng hóa không thiết yếu (FRT, DGW, MWG) cũng đồng loạt giảm sâu. Ở chiều ngược lại, VIC là điểm tựa hiếm hoi khi đóng góp hơn 1,6 điểm. Cùng với đó, sắc xanh tại một số mã như VJC, TMS, BSI và HDC đóng vai trò nâng đỡ, dù mức đóng góp còn hạn chế.

Khối ngoại tiếp tục bán ròng hơn 516 tỷ đồng trên sàn HOSE, nối dài chuỗi bán ròng lên 7 phiên liên tiếp. Tập trung bán ròng tại các mã như MBB (-181 tỷ đồng), VCB (-155 tỷ đồng) và ACB (-117 tỷ đồng). Ở chiều ngược lại, mua ròng vào các mã như MSN (90 tỷ đồng), VIX (41 tỷ đồng) và SHS (30 tỷ đồng).

Phiên giao dịch giảm điểm, làm điểm số đánh giá kỹ thuật của VN-Index giảm từ mức 0 điểm xuống mức -2 điểm với trạng thái TRUNG TÍNH. Hệ số P/E của VN-Index hiện đạt 12.8x.

Lâm Tuấn Nhã, Analyst, 84-8-39102222, nha.lt1@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Mã	Điểm kỹ thuật	Xu hướng ngắn hạn
VNINDEX	-2	TRUNG TÍNH
VN30	-7	TIÊU CỰC
VN30F1M	-5	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-5	TIÊU CỰC
VN FIN SELECT	-5	TIÊU CỰC
Shanghai Composite	-2	TRUNG TÍNH
Kospi	4	KHẢ QUAN
Nikkei 225	0	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	0	TRUNG TÍNH
Dow Jones	0	TRUNG TÍNH

Vui lòng xem điều khoản miễn trừ ở trang cuối

Phân tích kỹ thuật

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-2	TRUNG TÍNH
VN30	-7	TIÊU CỰC
VN30F1M	-5	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-5	TIÊU CỰC
VN FIN SELECT	-5	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index		Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (02/11/2026)	1.710	Kháng cự 1	1.800
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Đi ngang	Kháng cự 2	1.900
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1	1.700
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2	1.600

VN-Index giảm mạnh với thanh khoản gia tăng và lùi về vùng hỗ trợ 1.680–1.700 điểm.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: fireant.com

CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (02/11/2026)	1.818	Kháng cự 1	**1.900**
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	**TIÊU CỰC**	Kháng cự 2	**2.000**
VN30 - đóng cửa	1.813	Hỗ trợ 1	**1.800**
Chênh lệch **VN30F1M** & **VN30**	**+4,59**	Hỗ trợ 2	**1.700**

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart 60 phút)	-4	**TIÊU CỰC**
VN30F1M	-5	**TIÊU CỰC**

VN30F1M kết phiên giảm điểm, điểm số đánh giá kỹ thuật -5 điểm (TIÊU CỰC).

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: fireant.com

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.
(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng SMG ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
VIC	242	2,813,185	5	KHẢ QUAN	1,878,449	43.2	9.7	681
VJC	132.3	952,435	4	KHẢ QUAN	101,751	45.6	3.9	126
VPI	57.9	1,984,415	4	KHẢ QUAN	20,384	66.7	3.8	115
HDC	12	2,093,980	3	TRUNG TÍNH	2,757	4.1	0.9	25
VHM	62	8,366,215	2	TRUNG TÍNH	509,319	5.3	1.8	519
KOS	4.34	4,496,840	2	TRUNG TÍNH	940	34.2	0.4	20
STB	65.1	3,283,285	0	TRUNG TÍNH	122,728	26.9	1.9	214
PNJ	15.6	13,471,785	0	TRUNG TÍNH	7,983	4.8	0.6	210
GAS	77	967,235	0	TRUNG TÍNH	185,797	12.6	2.7	74
VC3	23	2,019,435	0	TRUNG TÍNH	3,422	48.0	2.2	46
NVB	14.7	1,759,855	0	TRUNG TÍNH	43,041	33.0	2.0	26
HUT	12.4	1,975,255	0	TRUNG TÍNH	13,247	22.9	1.2	24
EVF	11.75	1,332,925	0	TRUNG TÍNH	8,937	9.2	0.8	16
SHB	10.4	43,617,012	-1	TRUNG TÍNH	55,575	3.7	0.6	454
NVL	10.35	22,117,064	-2	TRUNG TÍNH	33,149	3.8	0.5	229
ACB	20.3	9,838,020	-2	TRUNG TÍNH	117,830	7.3	1.2	200
TPB	12.6	14,623,835	-2	TRUNG TÍNH	40,196	4.8	0.9	184
SHS	12.2	11,153,345	-2	TRUNG TÍNH	10,973	15.0	0.9	136
CII	12.95	9,748,920	-2	TRUNG TÍNH	8,702	92.0	0.9	126
TCH	11.85	6,210,895	-2	TRUNG TÍNH	11,889	14.9	1.0	74
CTS	21.3	1,622,590	-2	TRUNG TÍNH	5,799	15.4	2.0	35
SBT	20.7	1,251,060	-2	TRUNG TÍNH	19,347	27.7	1.6	26
HHP	17.6	1,386,230	-2	TRUNG TÍNH	1,622	31.7	1.6	24
OIL	12.7	1,618,820	-2	TRUNG TÍNH	13,135	37.0	1.2	21
DPG	29.45	572,760	-2	TRUNG TÍNH	3,492	8.1	1.1	17
FTS	18.25	831,505	-2	TRUNG TÍNH	6,956	17.3	1.6	15
FPT	50.2	7,786,445	-3	TRUNG TÍNH	94,664	9.2	2.2	391
HPG	20.4	18,240,070	-3	TRUNG TÍNH	172,237	6.4	1.2	372
VIX	11.8	30,744,056	-3	TRUNG TÍNH	30,359	14.0	0.9	363
CTG	29.75	7,441,060	-3	TRUNG TÍNH	231,067	5.4	1.2	221
PVT	20.6	7,707,645	-3	TRUNG TÍNH	10,649	6.9	1.1	159
VCI	18.45	7,599,065	-3	TRUNG TÍNH	21,259	14.3	1.3	140
VND	13.1	9,657,560	-3	TRUNG TÍNH	19,942	9.5	0.9	127
PLX	33	3,732,945	-3	TRUNG TÍNH	42,698	13.7	1.6	123
MSR	57.8	2,105,980	-3	TRUNG TÍNH	63,867	5780.0	5.2	122
VRE	22.95	3,344,505	-3	TRUNG TÍNH	52,150	7.1	1.0	77

GVR	29.1	2,133,840	**-3**	TRUNG TÍNH	116,400	13.7	1.9	62
MBS	14.9	2,743,475	**-3**	TRUNG TÍNH	14,914	11.1	1.3	41
HAH	48.25	822,390	**-3**	TRUNG TÍNH	9,087	7.0	1.7	40
PET	49.5	633,155	**-3**	TRUNG TÍNH	7,660	29.0	3.1	31
NLG	21.15	1,359,145	**-3**	TRUNG TÍNH	10,262	17.1	0.8	29
PVP	17.8	1,592,090	**-3**	TRUNG TÍNH	1,846	5.7	0.9	28
DPR	36.7	439,280	**-3**	TRUNG TÍNH	3,189	7.6	1.1	16
CEO	11	7,200,115	**-4**	**TIÊU CỰC**	6,554	34.2	1.0	79
PVD	17.7	4,003,830	**-4**	**TIÊU CỰC**	16,421	21.8	1.0	71
ORS	14	5,009,145	**-4**	**TIÊU CỰC**	8,735	14.8	1.1	70
HCM	23.15	2,861,840	**-4**	**TIÊU CỰC**	31,251	24.2	2.0	66
NKG	11.7	5,097,185	**-4**	**TIÊU CỰC**	5,760	23.7	0.7	60
VCG	15.1	2,663,670	**-4**	**TIÊU CỰC**	10,543	12.3	0.9	40
DCL	44.2	610,285	**-4**	**TIÊU CỰC**	3,228	#N/A N/A	2.1	27
VEA	37.6	693,925	**-4**	**TIÊU CỰC**	49,963	6.4	1.9	26
TCB	21.4	19,061,200	**-5**	**TIÊU CỰC**	227,468	7.9	1.2	408
HDB	21.9	17,860,630	**-5**	**TIÊU CỰC**	142,500	7.2	1.7	391
MSN	69.4	5,514,545	**-5**	**TIÊU CỰC**	101,350	11.1	2.4	383
SSI	18.85	18,247,590	**-5**	**TIÊU CỰC**	56,349	12.4	1.4	344
VPB	21.55	15,923,595	**-5**	**TIÊU CỰC**	215,500	6.9	1.2	343
BSR	27.1	8,682,410	**-5**	**TIÊU CỰC**	135,698	4.9	1.8	235
MBB	18.75	12,087,095	**-5**	**TIÊU CỰC**	188,789	5.6	1.2	227
MWG	72.4	2,979,730	**-5**	**TIÊU CỰC**	106,840	10.8	3.0	216
VCB	53.6	3,817,665	**-5**	**TIÊU CỰC**	447,864	10.8	1.8	205
GEX	21.75	7,719,385	**-5**	**TIÊU CỰC**	28,459	28.5	1.4	168
VSC	13	11,844,405	**-5**	**TIÊU CỰC**	4,867	19.1	0.9	154
BID	32	3,619,545	**-5**	**TIÊU CỰC**	248,904	7.5	1.3	116
GMD	50.7	1,932,395	**-5**	**TIÊU CỰC**	32,921	12.9	2.4	98
DXG	9.86	9,915,035	**-5**	**TIÊU CỰC**	12,504	109.0	0.9	98
PVS	29.8	2,934,355	**-5**	**TIÊU CỰC**	18,288	8.7	1.2	87
MCH	133.5	617,940	**-5**	**TIÊU CỰC**	174,539	23.9	9.6	82
FRT	138.3	587,355	**-5**	**TIÊU CỰC**	24,730	21.8	5.2	81
LPB	34.5	2,107,435	**-5**	**TIÊU CỰC**	103,061	8.5	2.2	73
DCM	32.2	2,101,265	**-5**	**TIÊU CỰC**	17,047	7.4	1.5	68
KDH	13.3	4,783,105	**-5**	**TIÊU CỰC**	16,418	10.5	0.9	64
DGW	38.15	1,655,840	**-5**	**TIÊU CỰC**	8,521	8.9	2.5	63
BVH	66.3	938,925	**-5**	**TIÊU CỰC**	49,216	14.8	1.9	62
IDC	32.6	1,248,210	**-5**	**TIÊU CỰC**	13,609	7.5	1.9	41
HSG	10.3	3,677,205	**-5**	**TIÊU CỰC**	8,315	13.3	0.7	38
VGC	39.7	868,560	**-5**	**TIÊU CỰC**	17,799	9.9	2.0	34
HAG	13.95	2,330,510	**-5**	**TIÊU CỰC**	17,680	5.4	1.1	33
NT2	22	1,475,295	**-5**	**TIÊU CỰC**	6,333	4.4	1.2	32
KBC	25.95	1,222,985	**-5**	**TIÊU CỰC**	24,439	14.0	0.9	32
HHV	9.17	3,236,850	**-5**	**TIÊU CỰC**	5,018	7.3	0.5	30
TNG	17.6	1,337,115	**-5**	**TIÊU CỰC**	2,266	4.8	1.1	24
BCM	37.15	606,620	**-5**	**TIÊU CỰC**	38,450	18.8	1.7	23
DRI	13.4	1,666,725	**-5**	**TIÊU CỰC**	981	6.2	1.4	22
DHC	36.5	525,395	**-5**	**TIÊU CỰC**	3,878	6.6	1.5	19

PHP	42.4	393,515	**-5**	**TIÊU CỰC**	13,863	16.8	2.3	17
CSV	21.7	762,010	**-5**	**TIÊU CỰC**	2,398	9.0	1.4	17
CTD	63.8	522,355	**-6**	**TIÊU CỰC**	7,134	9.0	0.7	33
ANV	16.6	1,532,335	**-6**	**TIÊU CỰC**	4,420	5.1	1.1	25
VNM	56	1,870,120	**-7**	**TIÊU CỰC**	117,038	11.4	3.4	105
VIB	13.6	7,069,750	**-7**	**TIÊU CỰC**	50,692	6.6	1.0	96
EIB	16.05	5,252,130	**-7**	**TIÊU CỰC**	29,897	156.4	1.1	84
PDR	11.15	5,486,660	**-7**	**TIÊU CỰC**	11,126	20.7	0.9	61
POW	12.05	5,066,505	**-7**	**TIÊU CỰC**	36,968	5.2	0.9	61
DIG	9.49	5,402,035	**-7**	**TIÊU CỰC**	8,012	13.0	0.8	51
DPM	19.35	2,181,050	**-7**	**TIÊU CỰC**	13,157	8.7	1.2	42
ACV	38.7	894,750	**-7**	**TIÊU CỰC**	138,636	12.5	1.9	35
DBC	15.2	1,770,835	**-7**	**TIÊU CỰC**	6,552	6.5	0.8	27
PAN	16.6	1,092,765	**-7**	**TIÊU CỰC**	4,161	3.4	0.7	18
REE	44.95	347,890	**-7**	**TIÊU CỰC**	27,999	10.2	1.2	16
VHC	47.5	314,705	**-7**	**TIÊU CỰC**	9,949	8.4	1.1	15

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Người dùng ồ ạt rút tiền sau vụ hack kỷ lục, Binance bị rút ròng 3.64 tỷ USD

Binance ghi nhận dòng tiền rút ròng 3.64 tỷ USD sau khi khôi phục chức năng rút tiền hôm 01/11, trong bối cảnh người dùng nhanh chóng chuyển tài sản khỏi sàn sau vụ tấn công mạng gây thiệt hại 6.3 tỷ USD.

Làn sóng rút tiền diễn ra sau vụ tấn công mạng vào Binance trong tuần trước, khiến 6.3 tỷ USD bị đánh cắp, theo thông tin được cung cấp. Cục Điều tra Liên bang Mỹ (FBI) quy trách nhiệm vụ tấn công cho các tin tặc Triều Tiên và xác định chiến dịch này mang tên TraderTraitor.

Binance cho biết sàn sẽ tự chịu tổn thất tài chính từ số tiền bị đánh cắp, thay vì chuyển thiệt hại sang người dùng. Dù vậy, quy mô dòng tiền rút ròng sau khi dịch vụ được khôi phục cho thấy niềm tin của khách hàng vẫn là vấn đề quan trọng đối với sàn giao dịch trong giai đoạn xử lý hậu quả vụ tấn công.

Nguồn: vietstock.vn

Chứng khoán châu Á hầu hết giảm điểm khi nhóm cổ phiếu công nghệ chịu sức ép

Thị trường chứng khoán châu Á hầu hết giảm điểm trong phiên giao dịch sáng ngày 2/11, khi những lo ngại về tính bền vững của làn sóng đầu tư vào trí tuệ nhân tạo (AI) tiếp tục gây sức ép lên nhóm cổ phiếu công nghệ.

Những lo ngại về dòng tiền âm và quy mô khổng lồ của các khoản đầu tư vào AI đã khiến chi phí bảo hiểm rủi ro vỡ nợ của doanh nghiệp tăng vọt trong tuần trước. Cùng lúc đó, giá vàng giảm xuống mức thấp nhất trong một năm, giữa những đồn đoán rằng các nhà đầu tư đang chịu áp lực phải bán vàng để huy động tiền đáp ứng yêu cầu bổ sung ký quỹ.

Nguồn: vietstock.vn

PMI tháng 10/2026: Tăng trưởng sản lượng tiếp tục được duy trì

Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng™ (PMI®) ngành sản xuất Việt Nam của S&P Global tăng lên 52.3 trong tháng 10 từ mức 51.9 của tháng 9, cho thấy sức khỏe của ngành sản xuất tiếp tục cải thiện nhẹ vào thời điểm đầu quý 4. Các điều kiện kinh doanh đến nay đã cải thiện trong 16 tháng liên tiếp.

Chi phí vận tải tăng cũng là nhân tố chính dẫn đến tăng giá cả đầu vào khi chi phí dầu tăng đã đẩy giá nhiên liệu tăng. Tốc độ tăng giá đã nhanh hơn tháng thứ hai liên tiếp và là tốc độ nhanh nhất kể từ tháng 6, mặc dù vẫn thấp hơn hẳn mức tăng vọt được ghi nhận vào lúc nổ ra cuộc chiến tranh ở Trung Đông.

Nguồn: vietstock.vn

Bộ Công Thương sửa đổi quy định về quản lý, phát triển cụm công nghiệp

Ngày 30/10/2026, Bộ Công Thương ban hành Thông tư số 69/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2024/TT-BCT quy định chế độ báo cáo định kỳ về cụm công nghiệp, cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước và một số mẫu văn bản về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

Thông tư cũng điều chỉnh trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Cụ thể, UBND cấp xã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình hoạt động cụm công nghiệp trên địa bàn, gửi UBND cấp tỉnh và Sở Công Thương

trước ngày 25/06 và ngày 25/12 hàng năm. Sở Công Thương tổng hợp, báo cáo tình hình cụm công nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh, gửi UBND cấp tỉnh và Bộ Công Thương (qua Cục Công nghiệp) trước ngày 30/06 và ngày 31/12 hàng năm.

Đối với cụm công nghiệp nằm trên địa bàn từ hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên, Thông tư bổ sung quy định về trách nhiệm báo cáo nhằm bảo đảm thống nhất thông tin, tránh chồng chéo trong quá trình thực hiện

Nguồn: vietstock.vn

VJC: Doanh thu 9 tháng tăng 41%, mở rộng kết nối quốc tế và đội tàu bay

Lũy kế 9 tháng, doanh thu hợp nhất đạt 74,385 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 1,721 tỷ đồng, lần lượt hoàn thành 86% và 82% kế hoạch năm.

Vietjet phục vụ hơn 20.7 triệu lượt khách trên 111.7 nghìn chuyến bay, vận chuyển hơn 58 nghìn tấn hàng hóa trong 9 tháng. Mạng bay đạt 223 đường bay, gồm 176 đường bay quốc tế và 47 đường bay nội địa, kết nối các trung tâm kinh tế, du lịch và giao thương.

Vietjet cũng công bố đường bay TP.HCM – Western Sydney, dự kiến khai thác từ tháng 1/2027, đón đầu cơ hội tại cửa ngõ hàng không mới của Australia. Hãng tiếp tục bổ sung đội tàu bay, nhận bàn giao Boeing 737-8 thứ 11 tại Seattle, Mỹ.

Nguồn: vietstock.vn

BMI: Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm tăng mạnh, Bảo hiểm Bảo Minh giảm 33% lãi sau thuế quý 3

Riêng quý 3/2026, BMI ghi nhận doanh thu thuần tăng 18%, tuy nhiên, tổng chi phí hoạt động kinh doanh tăng 19% do chi phí khác hoạt động kinh doanh tăng 29%, dẫn đến lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm giảm nhẹ 3%. Ngoài ra, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng mạnh 43%. Theo đó, lợi nhuận sau thuế ghi nhận gần 76 tỷ đồng, giảm 33%.

Năm 2026, BMI đề ra kế hoạch tổng doanh thu 7,260 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế tối thiểu 340 tỷ đồng. Sau 9 tháng đầu năm, BMI ghi nhận tổng doanh thu hơn 4,673 tỷ đồng (bao gồm doanh thu thuần bảo hiểm, doanh thu tài chính, doanh thu BĐS đầu tư và doanh thu thuần khác) và lợi nhuận trước thuế gần 305 tỷ đồng, tương ứng thực hiện được hơn 64% kế hoạch doanh thu và gần 90% kế hoạch lợi nhuận trước thuế.

Về cơ cấu nguồn vốn, nợ phải trả gần 5,869 tỷ đồng, tăng gần 24% so với đầu năm, phần lớn do tăng khoản dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm. Vốn chủ sở hữu ghi nhận gần 3,077 tỷ đồng, tăng hơn 5%. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hơn 600 tỷ đồng, tăng 32%.

Nguồn: vietstock.vn

IDC: Lợi nhuận sau thuế quý III/2026 của IDICO (IDC) giảm 44,9% về 540,37 tỷ đồng

Trong quý III/2026, IDICO ghi nhận doanh thu đạt 2.075,6 tỷ đồng, giảm 27,7% so với cùng kỳ; lợi nhuận sau thuế đạt 540,37 tỷ đồng, giảm 44,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, biên lợi nhuận gộp giảm mạnh từ 43,8%, về 32,4%.

Luỹ kế trong 9 tháng đầu năm 2026, IDICO ghi nhận doanh thu đạt 5.831,6 tỷ đồng, giảm 9,3% so với cùng kỳ; lợi nhuận sau thuế đạt 1.541,62 tỷ đồng, giảm 15% so với cùng kỳ năm trước.

Trong năm 2026, IDICO đặt kế hoạch tổng doanh thu 9.474 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế dự kiến 2.903 tỷ đồng. Như vậy, kết thúc 9 tháng đầu năm 2026 với lãi trước thuế đạt 1.927,1 tỷ đồng, IDICO mới hoàn thành 66,4% kế hoạch năm.

Nguồn: tinnhanhchungkhoan.vn

SSB: SeABank tăng 38% lợi nhuận trước thuế quý 3

Trong quý, Ngân hàng tiết giảm 23% chi phí dự phòng rủi ro tín dụng. Việc tối ưu chi phí giúp lợi nhuận trước thuế tăng 38% lên 1,315 tỷ đồng.

Lũy kế 9 tháng đầu năm, SeABank ghi nhận hơn 3,940 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, giảm 42% so với cùng kỳ. So với mục tiêu lợi nhuận trước thuế 2026 vừa được điều chỉnh là 6,008 tỷ đồng, Ngân hàng thực hiện được gần 66% mục tiêu.

Tổng nợ xấu Ngân hàng tính đến 30/09/2026 gần 5,884 tỷ đồng, tăng 21% so với đầu năm. Tỷ lệ nợ xấu/dư nợ tăng từ mức 2.06% đầu năm lên 2.28% trước thách thức chung của thị trường.

Nguồn: vietstock.vn

PNJ: Vay 700 tỷ đồng từ Chủ tịch với lãi suất 10%/năm

Theo báo cáo tài chính hợp nhất quý III/2026 của CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (Mã: PNJ), tại ngày 30/9, doanh nghiệp ghi nhận khoản vay 700 tỷ đồng từ bà Cao Thị Ngọc Dung - Chủ tịch HĐQT. Khoản vay có lãi suất 10%/năm, đáo hạn ngày 25/9/2027 và không có tài sản bảo đảm.

Tại ĐHĐCĐ bất thường ngày 21/10, ông Phan Quốc Công - Tổng Giám đốc cho biết bà Cao Thị Ngọc Dung đã giải ngân 700 tỷ đồng cho PNJ qua hai đợt. Theo ông Công, khoản vay này giúp doanh nghiệp cải thiện thanh khoản, rút ngắn thời gian thanh toán đối với các sản phẩm vàng và trang sức vàng.

Về hoạt động sản xuất kinh doanh, lũy kế 9 tháng đầu năm doanh nghiệp ghi nhận doanh thu thuần 33.008 tỷ đồng, tăng 29% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế hợp nhất giảm 71%, còn 471 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ đạt 472 tỷ đồng, cũng giảm 71%.

Nguồn: vietnambiz.vn

ACV: Chủ sân bay Long Thành báo lãi giảm 35% trong quý 3, nhân sự giảm hơn 1 ngàn người

Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP (ACV) ghi nhận doanh thu thuần hơn 6,066 tỷ đồng trong quý 3/2026, giảm khoảng 6% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do không còn ghi nhận doanh thu dịch vụ đảm bảo an ninh khách hàng, hành lý (do chuyển lại cho Bộ Công an). Biên lợi nhuận gộp cũng thu hẹp từ khoảng 62% xuống 47%.

Hoạt động tài chính cũng kém thuận lợi. Doanh thu tài chính giảm hơn một nửa xuống 165 tỷ đồng, trong khi chi phí tài chính tăng gấp gần 5 lần lên gần 196 tỷ đồng. Sự kết hợp giữa doanh thu giảm, giá vốn tăng và chi phí tài chính phình to khiến lợi nhuận ròng quý 3 của ACV chỉ đạt hơn 2,078 tỷ đồng, giảm khoảng 35% so với cùng kỳ và là mức thấp nhất kể từ năm 2023.

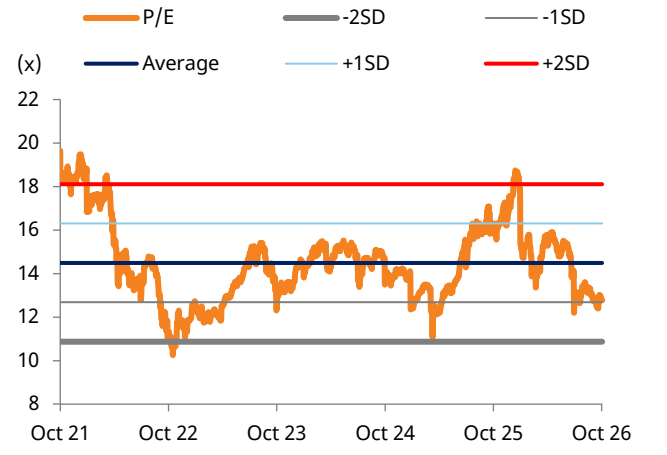
Một trong những trọng tâm đầu tư của ACV là dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thànhgiai đoạn 1 chiếm hơn 44,128 tỷ đồng, tăng gần 9,902 tỷ đồng so với đầu năm, tương đương khoảng 93% tổng chi phí xây dựng cơ bản dở dang của ACV. Song song với việc đẩy mạnh đầu tư, ACV đang thu hẹp quy mô nhân sự và sắp xếp lại cơ cấu quản lý.

Theo báo cáo tài chính mới công bố, số lao động của Doanh nghiệp giảm từ hơn 10,800 người vào đầu năm xuống còn hơn 7,110 người vào cuối tháng 9/2026. Nếu không tính các công ty con, số lao động còn khoảng 6,970 người. Riêng quý 3/2026, ACV giảm 1,360 nhân sự.

Nguồn: vietstock.vn

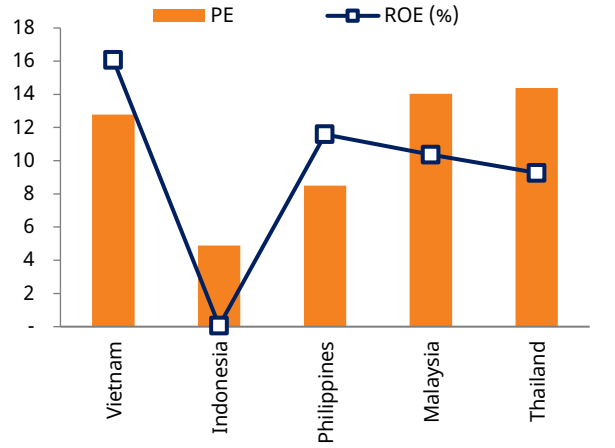
Chỉ báo tham khảo

Biểu đồ định giá P/E lịch sử của VN Index



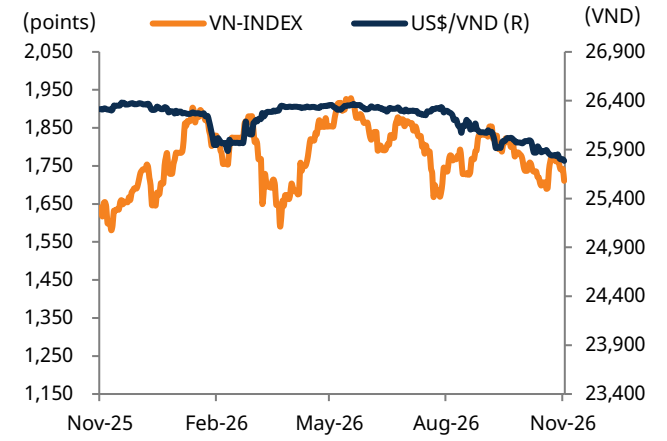
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ định giá P/E và ROE các thị trường



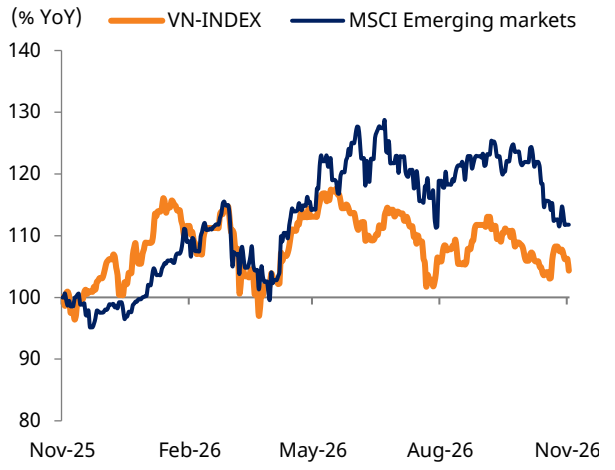
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN-Index và tỷ giá USD/VND



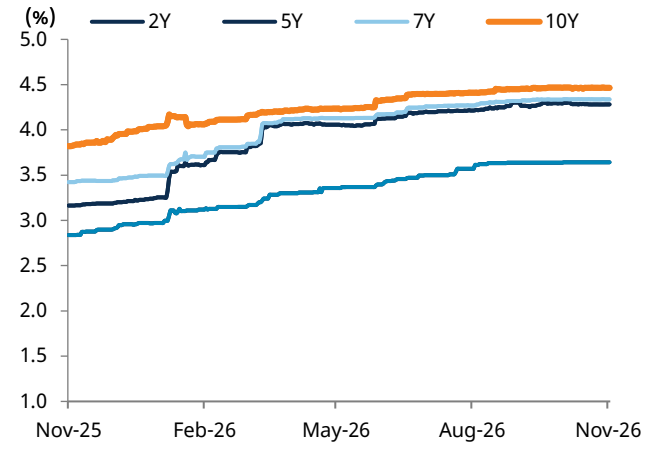
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN Index và MSCI Emerging Markets



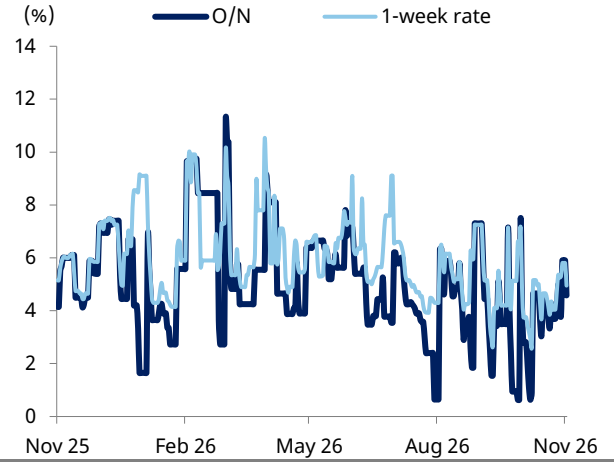
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Vốn hóa	Giá (VND)			Biến động giá (%)				Định giá (TTM)[1]			Sở hữu	Cổ tức			
		(VNDbn)	Đóng cửa	52Wcao	52Wthấp	1D	1W	1M	1Y	P/E	P/B	ROE(%)	Khối ngoại	EXdate	DPS[2]	12T[3]	FY24[4]
VN-Index		**8,403,196**	**1,710.72**	**1,936.55**	**1,578.42**	**-1.8**	**-3.0**	**-1.6**	**4.3**	**12.8**	**1.9**	**16.1**					
VN30 Index		**6,423,636**	**1,813.41**	**2,121.13**	**1,737.11**	**-2.2**	**-4.0**	**-3.3**	**-3.8**	**9.9**	**1.9**	**19.5**					
Asia Commercial Bank JSC	ACB VN	117,830	20,300	23,982	19,204	-3.3	-4.7	-3.8	-10.0	7.3	1.2	16.7	22.2	6/15/2026	619	3.1	3.4
Bank for Investment and Development	BID VN	248,904	32,000	52,975	31,700	-4.2	-5.2	-8.0	-8.6	7.5	1.3	16.5	17.4	7/17/2026	0	1.3	N/A
Petrovietnam Refining and Petrochemical Corp	BSR VN	135,698	27,100	39,600	13,500	-1.8	-7.8	-11.0	62.8	4.9	1.8	30.4	1.5	8/11/2026	300	1.1	0.9
Vietnam Joint Stock Commercial Bank	CTG VN	231,067	29,750	43,500	28,400	-1.8	-2.8	0.0	-12.2	5.4	1.2	22.2	24.4	7/23/2026	0	1.5	1.6
FPT Corp	FPT VN	94,664	50,200	98,818	50,100	-4.7	-10.4	-19.2	-46.9	9.2	2.2	26.2	26.8	11/27/2026	1,818	3.6	4.0
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	185,797	77,000	131,500	60,100	-1.3	-4.3	-2.3	25.0	12.6	2.7	18.4	2.1	9/22/2026	2,500	3.2	3.7
Vietnam Rubber Group Ltd	GVR VN	116,400	29,100	46,500	25,100	-6.9	-9.2	-11.1	0.2	13.7	1.9	12.1	N/A	11/10/2026	400	1.4	1.4
Ho Chi Minh City Development JCB	HDB VN	142,500	21,900	23,450	17,230	-2.2	-1.4	0.1	15.4	7.2	1.7	25.8	19.2	7/12/2024	0	N/A	N/A
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	172,237	20,400	27,000	19,600	-2.9	-2.4	1.7	-16.0	6.4	1.2	20.0	21.7	5/11/2026	455	2.2	1.6
Fortune Vietnam JCB	LPB VN	103,061	34,500	58,500	33,900	-4.4	-12.4	-14.2	-32.0	8.5	2.2	26.9	1.5	5/14/2026	3,000	8.7	8.7
Military Commercial JCB	MBB VN	188,789	18,750	24,426	17,678	-2.8	-4.1	-1.8	-4.0	5.6	1.2	22.1	22.3	7/9/2026	828	4.4	4.3
Masan Consumer Corp	MCH VN	174,539	133,500	183,343	125,000	-1.1	-4.6	-4.1	N/A	23.9	9.6	42.6	11.1	8/10/2026	4,074	3.0	3.7
Masan Group Corp	MSN VN	101,350	69,400	85,500	61,700	-0.9	-4.9	-1.8	-12.8	11.1	2.4	24.6	24.8	7/4/2022	0	N/A	1.7
Mobile World Investment Corp	MWG VN	106,840	72,400	94,400	62,500	-2.2	-3.2	-1.1	-12.3	10.8	3.0	30.2	49.0	10/7/2026	2,000	2.8	3.2
Saigon Beer Alcohol Beverage Corp	SAB VN	53,483	41,700	57,100	41,700	-1.7	-3.1	-1.8	-9.1	11.9	2.6	21.4	58.8	12/28/2026	5,000	12.0	11.6
Saigon - Hanoi JSC Bank	SHB VN	55,575	10,400	17,150	9,550	-2.3	-2.8	-6.7	-35.9	3.7	0.6	17.5	4.4	6/9/2025	591	N/A	N/A
Southeast Asia JSC Bank	SSB VN	51,432	15,000	24,800	13,234	-0.3	-5.7	-12.0	2.1	16.3	1.2	7.1	0.9	N/A	0	N/A	N/A
SSI Securities Corp	SSI VN	56,349	18,850	29,167	18,083	-2.3	-4.8	-4.3	-27.6	12.4	1.4	13.9	N/A	8/17/2026	833	4.4	4.7
Saigon Thuong Tin JSC Bank	STB VN	122,728	65,100	79,000	45,950	-1.8	-3.7	-4.8	17.3	26.9	1.9	2.4	10.3	11/29/2013	0	N/A	N/A
Vietnam Technological & Commer	TCB VN	227,468	21,400	25,467	18,533	-0.9	-5.0	-0.5	-8.5	7.9	1.2	16.3	20.8	5/19/2026	467	2.2	2.6
Techcom Securities JSC	TCX VN	87,562	26,300	45,000	26,100	-4.4	-9.2	-5.7	N/A	14.1	1.8	13.8	8.2	4/7/2026	0	1.3	1.6
Bank for Foreign Trade of Vietnam	VCB VN	447,864	53,600	78,800	52,600	-4.8	-4.5	-6.1	-10.1	10.8	1.8	17.5	19.9	7/23/2026	450	0.8	0.8
Vinhomes JSC	VHM VN	509,319	62,000	86,650	43,450	-1.6	-3.0	-8.7	25.0	5.3	1.8	38.4	6.3	6/29/2026	3,000	4.8	3.3
Vietnam International JSC Bank	VIB VN	50,692	13,600	17,443	12,831	-1.4	-2.5	1.9	-19.7	6.6	1.0	16.2	3.9	4/29/2026	822	6.0	5.8
Vingroup JSC	VIC VN	1,878,449	242,000	265,000	93,000	0.4	2.1	8.0	153.4	43.2	9.7	25.4	3.1	8/6/2014	0	N/A	0.0
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	101,751	132,300	169,231	111,923	0.5	0.2	2.2	-8.0	45.6	3.9	8.7	5.2	4/23/2019	0	N/A	N/A
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	117,038	56,000	75,500	54,600	-1.6	-2.8	-2.3	-2.8	11.4	3.4	29.9	49.6	11/11/2026	4,350	8.4	8.1
Vietnam Prosperity JSC Bank	VPB VN	215,500	21,550	24,952	18,962	-6.1	-8.7	-5.9	-5.4	6.9	1.2	18.3	22.3	5/15/2026	397	1.8	1.9
Vinpearl JSC	VPL VN	161,576	90,100	111,000	67,000	0.0	4.8	14.2	16.9	46.5	3.5	8.5	6.5	N/A	0	N/A	N/A
Vincom Retail JSC	VRE VN	52,150	22,950	39,500	20,900	-4.6	-5.6	-2.8	-31.1	7.1	1.0	15.3	11.4	6/30/2026	1,000	4.4	2.2

Nguồn:MiraeAssetResearch,Bloomberg

Ghi chú:[1]Các chỉ tiêu dự báo theo Bloomberg;[2]DPS:Tỷ lệ chi trả cổ tức; [3]Tỷ suất cổ tức, tính theo giá trị chi trả trong12tháng gần nhất và giá trị thị trường của cổ phiếu;[4]Ước tính tỷ suất cổ tức của năm tài chính hiện tại

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.